

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày 03 - 12 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và ông Nguyễn Văn Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Ksor Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2024/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Võ Văn Ty G (tên thường gọi là K), sinh năm 2000 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn S và bà Huỳnh Thị V; S1 như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Huyền T; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2024 và giam liên tục cho đến nay, hiện bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1975. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện A, tỉnh Bình Định.

+ Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1975. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số C, đường N, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

+ Ông Trần Văn H1, sinh năm 1980. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

+ Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1998. Vắng mặt

Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

+ Ông Cao Văn T3, sinh năm 1982. Vắng mặt

Nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng*: Anh Hồ Thanh P1, sinh năm 2002. Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/03/2024, Võ Văn Ty G (tên thường gọi là K) được bà Lê Thị H thuê vận chuyên đưa hấu từ huyện K, tỉnh Gia Lai đến thành phố Đà Nẵng với giá cước 1.800.000 đồng/1 tấn. Chiều ngày 23/03/2024, sau khi bốc đưa lên xe, G điều khiển xe ô tô BKS: 64E – 003.64 chở đưa hấu đi cân khối lượng trước khi xuất phát, xác định khối lượng đưa hấu trên xe là 14.090kg (đưa hấu loại 2). Khoảng 19 giờ 30’ cùng ngày, G điều khiển xe xuất phát từ huyện K, Gia Lai đi đến thành phố Đà Nẵng, khi xe đi đến địa phận tỉnh Kon Tum, G được bà H thông báo chuyển địa điểm giao đưa hấu đến thị xã H, tỉnh Nghệ An, G đồng ý. Trên đường đi, G nảy sinh ý định chiếm đoạt số đưa hấu trên bán lấy tiền. Khoảng 20 giờ ngày 24/03/2024, khi xe ô tô đến địa phận đèo L, tỉnh Kon Tum, G lên mạng xã hội tìm người mua đưa. Gel tìm thấy và liên lạc với chị Nguyễn Thị T1 có nhu cầu mua đưa. Gel sử dụng số điện thoại 0787.855.996 liên lạc với chị T1 qua số điện thoại 0777.055.095, hai người kết bạn Zalo và thống nhất giao hàng ở TP . với giá 2.000 đồng/1kg. Khoảng 12 giờ ngày 25/03/2024, sau khi thống nhất giá bán và địa điểm giao hàng, G điều khiển xe quay đầu về hướng TP .. Ngày 26/03/2024, khi G điều khiển xe đến địa phận tỉnh Bình Phước thì G bán khoảng 1,5 tấn đưa cho 3 người (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 3,5 triệu đồng. Một số quả đưa bị thối, G vứt bỏ ở khu vực nghĩa trang trên địa phận tỉnh Bình Phước. Đến khoảng 17 giờ ngày 27/03/2024, G điều khiển xe ô tô về đến thành phố T, tỉnh Bình Dương, G điện thoại thuê Huỳnh Văn T2 điều khiển xe đi giao đưa hấu cho

G, còn G đi về nhà ở Trà Vinh. Khoảng 21 giờ ngày 27/3/2024, T2 điều khiển xe ô tô chở dừa đi đến giao cho chị T1, tại số nhà C N, phường A, quận B, TP .. Trước khi giao dừa, chị T1 cùng T2 đi cân tải trọng xe dừa, khối lượng dừa là 9.340kg. Khi bỏ dừa xong, chị T1 chuyển khoản tiền mua dừa cho G với số tiền là 18.680.000 đồng vào số tài khoản 0787855996 thuộc ngân hàng V1, chủ tài khoản Võ Văn Ty G. Quá hạn hợp đồng giao dừa và không liên lạc được với Võ Văn Ty G, bà Lê Thị H đến Công an huyện K trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận định giá số 07/KL-HĐĐG ngày 25/4/2024, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện K kết luận trị tài sản bị xâm hại là 14.090kg dừa hâu loại 2 (loại từ 1,7kg/1 quả đến 4kg/1 quả) có giá trị là 70.450.000 đồng (*Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Võ Văn Ty G về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự (Sau đây gọi tắt là BLHS).

Đối với anh Huỳnh Văn T2, khi được bị cáo G thuê lái xe đi giao dừa hâu, thì T2 không biết số dừa mà G thuê chở là do vi phạm pháp luật mà có. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý anh T2 với vai trò đồng phạm về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” cũng như các tội phạm khác.

Đối với chủ sở hữu chiếc xe ô tô BKS: 64E – 003.64 được bị cáo G thuê là ông Trần Văn H1, lúc cho G thuê xe ông H1 không biết G sử dụng xe trên vào mục đích vi phạm pháp luật. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý ông H1 với vai trò đồng phạm về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” cũng như các tội phạm khác.

Đối với người mua dừa là chị Nguyễn Thị T1 và 03 người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) khác, thì khi mua họ không biết số dừa mà bị cáo G bán cho họ là do vi phạm pháp luật mà có. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý họ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” cũng như các tội phạm khác.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Võ Văn Ty G phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS: Xử phạt bị cáo Võ Văn Ty G từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại còn lại là 50.450.000 đồng và trả tiền thuê xe cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H1 là 24.600.000 đồng.

Ngoài ra còn buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào ngày 23/3/2024, tại xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai sau khi được bà Lê Thị H (người buôn dưa hấu chung cùng ông Lê Ngọc P) giao vận chuyển dưa hấu từ huyện K, tỉnh Gia Lai đi đến thị xã H, tỉnh Nghệ An để giao dưa, trên đường đi bị cáo Võ Văn Ty G đã nảy sinh ý định và có hành vi chiếm đoạt 14.090kg dưa hấu của bà Lê Thị H và ông Lê Ngọc P để đem đi bán rồi lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng giá trị tài sản bị cáo Võ Văn Ty G trực tiếp xâm hại là 70.450.000 đồng (*Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị cáo G là người quen biết với ông P, nhiều lần được ông P thuê chở hàng nên vào ngày 23/3/2024 lợi dụng ông P, bà H thuê chở dưa hấu ra tỉnh Nghệ An nhưng không chở theo thỏa thuận mà đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh bán cho người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, nên đây là hành vi phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo rõ ràng là có lỗi và

sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo G đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là nguy hiểm và gây hậu quả xấu cho xã hội làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này thì bị cáo G là người tự khởi xướng và một mình trực tiếp thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 20.000.000 đồng cho các bị hại tại phiên tòa, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS áp dụng cho bị cáo.

Ngoài ra bị cáo có các cụ ngoại, ông nội, bà ngoại là liệt sỹ, mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, bị cáo là lao động động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận chứng thực, các bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để nhằm mục đích trừng trị nhưng cũng giúp cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời qua đó răn đe và phòng ngừa loại tội phạm này tái diễn trên địa bàn. Nên cần chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về trách nhiệm dân sự và vấn đề liên quan khác:

Bị hại bà H và ông P yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản thành tiền là 70.450.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo như kết quả định giá là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường cho bị hại bà H, ông P số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 50.450.000 đồng bị cáo đồng ý sẽ tiếp tục bồi thường cho các bị hại. Giữa bị cáo và các bị hại không còn tranh chấp hay yêu cầu về dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án và buộc bị cáo phải thực hiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu bị cáo trả tiền thuê xe còn nợ lại là 24.600.000 đồng thì tại phiên tòa được bị cáo đồng ý. Giữa bị cáo và ông H1 không còn tranh chấp hay yêu cầu về dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án và buộc bị cáo phải thực hiện.

Đối với anh Huỳnh Văn T2, khi được bị cáo G thuê lái xe đi giao đưa hấu, thì T2 không biết số đưa mà bị cáo G thuê chở là do vi phạm pháp luật mà có. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý anh T2 với vai trò đồng phạm về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” cũng như các tội phạm khác. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với chủ sở hữu chiếc xe ô tô BKS: 64E – 003.64 được bị cáo G thuê là ông Trần Văn H1, lúc cho G thuê xe ông H1 không biết G sử dụng xe trên vào mục đích vi phạm pháp luật. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý ông H1 với vai trò đồng phạm về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” cũng như các tội phạm khác. Nay HĐXX không xem xét đến.

Đối với người mua đưa của bị cáo là chị Nguyễn Thị T1 và 03 người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) khác, thì khi mua họ đưa không biết số đưa mà bị cáo G bán cho họ là do phạm tội mà có. Vì vậy, không có đủ căn cứ để xử lý họ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” cũng như các tội phạm khác là phù hợp quy định pháp luật. Nay HĐXX không xem xét đến nữa.

[5] Về xử lý vật chứng:

01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HINO, số loại: FC9JNTC, màu Trắng, BKS: 64E – 003.64, số khung: RNJFC9JNTKCX10164, số máy: J05EUA20192. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong. Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Trần Văn H1 là phù hợp quy định pháp luật. Nay HĐXX không xem xét đến nữa.

[6] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn Ty G (Tên thường gọi là K) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Võ Văn Ty G 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 20/5/2024.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Võ Văn Ty G phải bồi thường cho bị hại bà Lê Thị H và ông Lê Ngọc P số tiền còn lại là 50.450.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Võ Văn Ty G phải trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 số tiền 24.600.000 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Võ Văn Ty G phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.752.500 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/12/2024), còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1, chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Văn Q, anh Huỳnh Văn T2 và ông

Cao Văn T3 có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Công an h. Krông Pa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Lưu HS vụ án, THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Khắc Toàn